

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VEN BIỂN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. ĐOÀN NHÂN ĐẠO

Học viện Hành chính Quốc gia

1. Tiềm năng và thực trạng phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển của tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình là một trong những tỉnh có vùng biển rộng và bờ biển dài 116km, hội tụ được nhiều lợi thế về tiềm năng kinh tế biển. Dọc bờ biển của tỉnh Quảng Bình có 5 cửa sông chính là sông Gianh, sông Roòn, sông Nhật Lệ, sông Lý Hòa và sông Dinh với tổng lưu lượng nước là 4 tỷ m³/năm và tổng diện tích vùng mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản là 15.000ha. Vùng triều ven biển có diện tích 50.000ha với chế độ bán nhật thuận lợi cho việc cấp thoát nước ở các ao nuôi. Bên cạnh đó, Quảng Bình có khoảng 160 hồ tự nhiên và nhân tạo với dung tích ước tính 243,3 triệu m³. Đây là điều kiện thuận lợi tạo nguồn cung cấp phù du sinh vật có giá trị cho việc phát triển nuôi trồng và chế biến nguồn lợi thủy hải sản, đồng thời giúp phát triển kinh tế thủy sản trên các lĩnh vực khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước mặn và nước lợ.

Bên cạnh đó, Quảng Bình còn có diện tích đất cát tương đối lớn, khoảng 40.000ha, nhiều xã ven biển hoàn toàn là cát. Các huyện có diện tích cát lớn, gồm: Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thành phố Đồng Hới. Việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở đây còn giúp tận dụng nguồn tài nguyên đất cát phong phú và thực tế đã đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ ven biển trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm qua, tốc độ phát triển của ngành thủy sản Quảng Bình có sự tăng trưởng

nhANH cả về số lượng và chất lượng. Năm 2017, tổng sản lượng thủy sản đạt gần 71 ngàn tấn, trong đó thủy sản khai thác đạt 59,4 ngàn tấn, nuôi trồng thủy sản đạt 11,6 ngàn tấn. Khai thác thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng khai thác xa bờ nhằm giảm áp lực lên khai thác gần bờ, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì với nhiều đối tượng, phương thức nuôi mới được áp dụng có hiệu quả.

Riêng về ngành thủy sản, sau hơn một năm xảy ra sự cố môi trường biển, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã phục hồi trở lại. Sản phẩm nuôi trồng thủy sản được đa dạng hóa và nuôi cá lồng bè tiếp tục phát triển. Để phát triển nghề đánh bắt hải sản, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ ngư dân tranh thủ tốt các chính sách của Trung ương, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của địa phương thúc đẩy khai thác thủy sản phát triển theo hướng khai thác xa bờ cho hiệu quả cao, giảm cường lực khai thác ven bờ, nơi nguồn lợi thủy sản đang bị cạn kiệt.

Năm 2017, dự ước diện tích nuôi trồng thực hiện cả năm là 5.747ha, so với năm trước tăng 1,3% và đạt 105,5% kế hoạch. Trong đó: Nuôi mặt nước lợ 1.281,7ha, tăng 7,4% so với năm trước và đạt 82,7% kế hoạch; nuôi nước ngọt 4.465,3ha, so với năm trước giảm 0,4% và đạt 114,5% kế hoạch. Nuôi cá lồng được chú trọng hơn, vì vậy tổng số lồng toàn tỉnh hiện có 2.186 lồng, so với năm trước tăng 16,6%.

Dự ước sản lượng thủy sản năm 2017 đạt

71.167,7 tấn, tăng 15,2% so với năm trước và đạt 109,5% kế hoạch. Trong đó, dự ước sản lượng nuôi trồng năm 2017 đạt 11.682,7 tấn, tăng 0,7% so với năm trước và đạt 97,4% kế hoạch. Trong đó cá các loại đạt 7.359,9 tấn, so với năm trước tăng 4,2%; tôm các loại đạt 3.901,5 tấn, so với năm trước bằng 93,9%; thủy sản khác 421,3 tấn, so với năm trước tăng 9,4%.

Do hoạt động nuôi trồng thủy hải sản gặp một số khó khăn do mưa bão và dịch bệnh xảy ra ở một vài nơi nên sản lượng nuôi trồng tăng không đáng kể, một số sản phẩm giảm so với năm 2016.

2. Thực trạng việc thực hiện chính sách về nuôi trồng thủy sản ven biển ở tỉnh Quảng Bình

2.1. Về công tác ban hành văn bản, chính sách về nuôi trồng thủy sản ven biển

Xác định vai trò, vị trí quan trọng của việc phát triển nuôi trồng thủy hải sản đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, đồng thời thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về phát triển nguồn lợi thủy sản đến 2020, tỉnh Quảng Bình chủ động ban hành hệ thống các văn bản để triển khai quản lý lĩnh vực này, trong đó ngày 14/9/2017, Ban Chỉ đạo Chương trình 188 đã ban hành Kế hoạch số 118/KH-BCĐ về Kế hoạch thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2020.

Đặc biệt, trong năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo sản xuất khai thác thủy sản dịp Tết Nguyên đán năm 2017; phối hợp thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2017; tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho người, tàu cá hoạt động trên biển; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND cấp huyện tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về khai thác thủy sản tại

vùng biển ven bờ.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản, kịp thời, đúng quy định, hiệu quả đã tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển sản xuất khai thác. Đến nay, cơ bản đã hoàn thiện việc phê duyệt, chi trả hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do sự cố môi trường biển Fomosa theo Quyết định 1880/QĐ-TTg và Quyết định 309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thông qua việc ban hành và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế biển nói chung và phát triển nuôi trồng thủy hải sản nói riêng cho thấy sự quan tâm, đầu tư thích đáng của các cấp chính quyền tỉnh Quảng Bình và bước đầu những chính sách đó đã được áp dụng và đem lại hiệu quả, giúp người dân ổn định cuộc sống và bám biển lâu dài.

2.2. Về công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về nuôi trồng thủy hải sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền cho ngư dân hiểu rõ các quy định Nhà nước về khai thác và BVNL thủy sản, các chính sách phát triển kinh tế thủy sản, trong năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức 25 hội nghị tuyên truyền và đào tạo nghiệp vụ nghề cá với trên 2.700 lượt người tham gia (trong đó, đã tổ chức 07 lớp đào tạo, cấp chứng chỉ Thuyền trưởng, Máy trưởng hạng IV cho 241 ngư dân, chứng chỉ thuyền viên cho 417 ngư dân; đào tạo nghiệp vụ, kỹ thuật trong vận hành và khai thác tàu vỏ thép và vật liệu mới cho trên 200 học viên, đã góp phần trang bị các kỹ năng cơ bản về khai thác và đáp ứng có chứng chỉ hoạt động cho ngư dân, tổ chức Hội nghị biển xa...). Bên cạnh đó, Sở còn tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Ban chỉ đạo Chương trình 188 và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 188 trên địa bàn

tính giai đoạn 2018-2020; sửa chữa 8 cụm Pano tuyên truyền khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các địa phương nghề cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu cá vùng Roòn, Gianh và Nhật Lệ; tổ chức ký cam kết không vi phạm khai thác hải sản cho 91 tàu cá ngoại tỉnh hoạt động nghề giã cào trên địa bàn Quảng Bình; đồng thời cấp phát 200 tài liệu phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho ngư dân.

2.3. Về công tác thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản

Nhằm góp phần tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản, đồng thời tuyên truyền, giáo dục người dân ý thức hơn trong việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản một cách bền vững, năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình đã tổ chức thực hiện thả 65 vạn giống tôm PL25 và phân bổ, hỗ trợ 6,9 vạn cá nước ngọt tái tạo nguồn lợi cho các địa phương. Ngoài ra, UBND các huyện Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, Quảng Trạch đã tự bố trí kinh phí của huyện thả thêm 48,15 vạn giống tôm PL₂₅ và 6,34 vạn cá về các thủy vực tự nhiên với tổng kinh phí thực hiện cho toàn tỉnh 489 triệu đồng.

2.4. Về công tác thanh tra, xử lý các vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thủy sản được triển khai quyết liệt và hiệu quả. Năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo Thanh tra Chi cục Thủy sản tổ chức 22 cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện 104 trường hợp vi phạm, xử phạt 828,1 triệu đồng, đặc biệt trong đó: có 20 trường hợp tàng trữ, sử dụng xung điện khai thác thủy sản, tịch thu 20 bộ kích điện; 24 tàu giã cào khai thác thủy sản trái phép sai tuyến. Đồng thời, phối hợp với Cục Kiểm ngư tuần tra, kiểm soát trên vùng biển tỉnh Quảng Bình, xử lý 10 trường hợp tàu ngoại tỉnh. Đặc biệt, kiểm tra, phát hiện xử lý 01 trường hợp vi phạm sản xuất, bán chất cải tạo môi trường

trong nuôi trồng thủy sản có chất lượng không như công bố, xử phạt 13,2 triệu đồng, buộc thu hồi chuyển mục đích sử dụng hoặc tái chế sản phẩm kém chất lượng.

Nhờ kết hợp với biện pháp tuyên truyền tích cực, việc đẩy mạnh kiểm tra xử lý vi phạm quyết liệt nên nhận thức của cộng đồng, ngư dân ngày càng được cải thiện nâng cao, vai trò cấp huyện, xã trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản dần được phát huy. Các hành vi vi phạm như tàu giã đôi ngoại tỉnh hoạt động sai tuyến và việc tàng trữ, sử dụng xung điện khai thác đã hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản như vừa đề cập trên, khách quan nhìn nhận, công tác này vẫn còn những hạn chế nhất định trên một số mặt, cụ thể: Hệ thống chính sách phát triển kinh tế biển chưa đủ và kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng kinh tế của ngư dân. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa toàn diện, quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao. Lực lượng làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường, tài nguyên, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo còn ít; năng lực của cán bộ quản lý cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho các hoạt động nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ môi trường biển và hải đảo còn hạn chế. Đội tàu cá phần lớn là tàu nhỏ, khó tiến ra biển xa. Nghề cá trên biển chưa được tổ chức hợp lý, khó vươn ra đại dương. Chưa có sự kết hợp giữa chuyển dịch cơ cấu sản xuất trên biển với tăng cường nuôi trồng thủy sản trên biển theo công nghệ cao. Kiểm soát dịch bệnh, áp dụng công nghệ sinh học nâng cao giá trị sản phẩm còn hạn chế nên sản phẩm nuôi trồng thủy hải sản đưa đến người tiêu dùng chưa có giá trị kinh tế cao và tương

xứng với tiềm năng của vùng biển thuộc tỉnh. Đầu ra cho sản phẩm mới phục vụ một phần nhu cầu trong nước, chưa có nhiều giá trị cạnh tranh xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, USA.

3. Giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển ở tỉnh Quảng Bình

3.1. Nhóm giải pháp chung đối với phát triển nuôi trồng thủy hải sản

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển nuôi trồng thủy hải sản

Hệ thống chính sách về phát triển nuôi trồng thủy hải sản nói riêng và phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Bình nói chung phải xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế biển đảo của Việt Nam, xác định rõ phát triển kinh tế biển không tách rời bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và hướng tới sự tăng trưởng xanh. Chính sách ban hành phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế của người dân.

Thứ hai, hiện thực hóa đầy đủ và toàn diện các chính sách hỗ trợ ngư dân phát triển nuôi trồng thủy hải sản đến với người dân ven biển

Để ngư dân yên tâm nuôi trồng thủy hải sản ven biển, công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển ngành cần đi trước một bước. Bên cạnh đó, để những chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế biển được thực thi một cách hiệu quả, nhanh chóng, đòi hỏi phải có hướng dẫn triển khai đầy đủ và toàn diện, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ vay vốn, miễn giảm thuế, đầu tư con giống, áp dụng khoa học công nghệ mới, những chính sách phát triển kinh tế kết hợp bảo vệ an ninh vùng ven biển...

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý hoạt động nuôi trồng thủy hải sản

Nguồn nhân lực quản lý hoạt động nuôi trồng thủy hải sản bao gồm đội ngũ công chức quản lý và hệ thống các nhà khoa học, kỹ sư nghiên cứu về các loài thủy hải sản. Thực tiễn đã cho thấy, các vùng biển của Việt Nam có rất

nhiều lợi thế để phát triển nuôi trồng nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, tôm càng xanh, san hô đỏ... nhưng sản phẩm thủy hải sản của chúng ta chưa có nhiều giá trị cạnh tranh ở các thị trường khó tính như: Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ. Nguyên nhân là do chúng ta chưa có một công nghệ và kỹ thuật theo quy trình khép kín từ khâu chọn giống đến bảo quản sản phẩm. Do đó, đội ngũ những người làm công tác quản lý, nghiên cứu thực tiễn về phát triển thủy hải sản cần có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn về lĩnh vực, am hiểu về đặc điểm của các vùng biển, đặc điểm sinh trưởng của các loài sinh vật.

Do đó, cần tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ chuyên môn nhằm kiện toàn hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản các cấp. Cùng với đó, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất đối với các hình thức kinh tế tập thể, tổ hợp tác sản xuất trên biển, tổ chức quản lý cộng đồng về khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản.

Thứ tư, nâng cao nhận thức người dân về vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục sâu rộng, có hệ thống trong nhân dân nhằm nâng cao và tạo ra sự chuyển biến thực sự trong ý thức của tất cả các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò chiến lược của biển.

Theo đó, phải tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí vai trò của biển, vùng bờ biển, hải đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức, ý thức trong thực thi pháp luật là một điều hết sức quan trọng. Đặc biệt, công ước Liên Hợp quốc về luật biển năm 1982 là văn bản pháp luật cần

được tuyên truyền và công bố rộng rãi không chỉ trong phạm vi những ngành, những lĩnh vực có liên quan đến biển mà bên cạnh đó còn phải tuyên truyền và phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân.

Thứ năm, củng cố mối quan hệ ngư dân và bộ đội hải quân, cảnh sát biển

Mối quan hệ quần dân phải thân thiết, gắn bó như cá với nước. Đặc biệt, khi ngư dân vươn khơi, bám biển mối quan hệ quần dân càng cần thiết được củng cố. Ngư dân dựa vào bộ đội hải quân, cảnh sát biển (lực lượng vũ trang biển) để biết thêm thông tin trên biển về thiên tai, địch họa. Bộ đội hải quân và cảnh sát biển tuyên truyền phổ biến kiến thức và chính sách về biển, hỗ trợ kỹ thuật nuôi trồng thủy hải sản cho ngư dân. Đồng thời, thông qua các hoạt động hỗ trợ ngư dân để nắm bắt được những thông tin đáng tin cậy nhằm bảo vệ vững chắc các vùng biển, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của ngư dân, từ đó hỗ trợ phù hợp cho ngư dân và tham mưu cho các cấp chính quyền khi cần thiết.

3.2. Nhóm giải pháp cụ thể về phát triển nuôi trồng thủy hải sản

Thứ nhất, quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy hải sản ven biển

Để quản lý hiệu quả hệ thống các cảng cá và ứng phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra trên vùng biển, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 về việc ban hành Quy chế quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh. Theo đó, quy định việc quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và kết cấu hạ tầng có liên quan thuộc cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh. Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Quy chế này tạo ra cơ chế quản

lý và sử dụng các cảng cá trong tỉnh, góp phần làm phong phú hơn hoạt động thương mại về sản phẩm thủy hải sản.

Tuy nhiên, mới chỉ dừng lại ở góc độ văn bản thì chưa mang lại hiệu quả quản lý, trong thời gian tới, việc áp dụng quy chế này vào thực tiễn quản lý hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão là cần thiết và cần sự phối hợp giữa các ngành liên quan, cũng như giữa các cơ quan quản lý với ngư dân.

Thứ hai, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, cơ sở chế biến thủy sản đáp ứng quy định về đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường

Điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch vùng phát triển nuôi trồng thủy hải sản ven biển, hay nói cách khác là cụ thể hóa về mặt địa lý những vùng trong tỉnh có thể nuôi trồng thủy hải sản ven biển dựa trên những đặc trưng về vùng nước ngọt, lợ, mặn và các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái biển. Hình thành các vùng nuôi trồng thủy hải sản tập trung gắn liền với khu xử lý và chế biến thực phẩm, đảm bảo giá trị kinh tế cao cho những sản phẩm nuôi trồng.

Thứ ba, thành lập khu bảo tồn biển và khu bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, bảo tồn các loài thủy hải sản quý hiếm, có giá trị kinh tế

Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình nhằm bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý các giá trị đa dạng sinh học; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái, môi trường, cảnh quan đa dạng sinh học góp phần xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn đa dạng sinh học nhằm thích ứng và giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu. Bao gồm 04 khu vực: (1) Khu bảo tồn thiên nhiên dãy núi Giăng Màn; (2) Khu bảo tồn thiên nhiên Khe Nét; (3) Khu bảo tồn thiên nhiên Động Châu - Nước Trong; (4) Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Triển khai điều tra, khảo sát, lập quy hoạch chi tiết khu bảo tồn vùng nước nội địa “Sông và sông ngầm trong vùng núi karst thuộc Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng” khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở đó, khẩn trương triển khai các biện pháp bảo vệ, tái tạo và phát triển các loài thủy sản trong khu vực bảo tồn.

Xây dựng và triển khai dự án điều tra, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực ven biển Quảng Bình, đề xuất các giải pháp bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. Cùng với đó, triển khai khoanh vùng, bảo vệ bãi sinh sản, nơi tập trung các loài thủy sản còn non. Trong đó, tập trung bảo vệ nguồn lợi hải sản Hòn La - Vũng Chùa; Khôi phục môi trường và tổ chức quản lý, bảo vệ hệ sinh thái biển, rạn san hô, bãi sinh sản vùng biển ven bờ: Nam Nhật Lệ - Mũi Lay, bãi Xuân Hòa, Bắc cửa sông Nhật Lệ.

Bên cạnh đó, cần thiết phải thành lập các khu, trung tâm bảo tồn về các loài sinh vật biển, bảo vệ sự đa dạng về giống loài, đặc biệt là đối với những loài có giá trị kinh tế cao như san hô, rong biển, tôm hùm, cá ngừ, tôm chân trắng..., bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái biển, hạn chế những hoạt động nuôi trồng thủy hải sản phá vỡ sự đa dạng của hệ sinh thái.

Thứ tư, hỗ trợ và kết nối các hiệp hội và doanh nghiệp xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, tiêu thụ thủy sản đối với các sản phẩm thủy sản thế mạnh

Để đảm bảo kết nối giữa vùng nguyên liệu và đơn vị chế biến; giữa cơ sở sản xuất với thị trường, hay nói cách khác, đưa sản phẩm nuôi trồng thủy hải sản ra thị trường đảm bảo tính ổn định, lợi nhuận và chuyên nghiệp thì việc liên kết, thông qua các hiệp hội nghề cá, doanh nghiệp xúc tiến thương mại, phát triển thị trường là điều rất cần thiết để ngư dân yên tâm từ khâu sản xuất đến khâu tìm đầu ra cho sản phẩm. Đảm bảo kết nối giữa nhà ngư - nhà

khoa học - nhà nước - nhà doanh nghiệp trong quy trình nuôi trồng thủy hải sản ven biển.

Thứ năm, xây dựng mô hình hộ gia đình sản xuất theo hình thức hợp tác nhằm tăng cường hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm

Nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh vùng gò đồi, vùng cát ven biển và vùng mặt nước ao hồ, cần quan tâm đầu tư, mở rộng, tập trung các nguồn lực nhằm phát triển mạnh kinh tế trang trại theo hướng cần đẩy mạnh phát triển quy mô trang trại theo hướng chuyên nghiệp và rộng lớn hơn; hình thành các trang trại theo hướng kết hợp giữa nông - lâm - ngư nghiệp; tạo ra vùng nguyên liệu tập trung cho hoạt động chế biến và dịch vụ thủy hải sản; phát triển nuôi trồng thủy hải sản theo hướng bền vững vừa tạo điều kiện cho ngư dân phát triển kinh tế, yên tâm bám biển, vừa tạo điều kiện bảo tồn môi trường sinh thái biển và tạo cơ sở để bảo vệ chủ quyền trên biển của Tổ quốc.

Thứ sáu, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng hệ thống nước thải, rác thải, khí thải nhằm giảm thiểu chất thải độc hại ra môi trường biển

Khắc phục những sự cố môi trường gây ô nhiễm, phá hủy hệ sinh thái và nguồn lợi biển. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các hình thức vay vốn, hỗ trợ thuế để doanh nghiệp đầu tư nhà xưởng, hệ thống xử lý nước thải, rác thải trước khi xả ra môi trường.

Tiên quyết xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm luật môi trường và gây nguy hại đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

Tích cực thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho các dự án phát triển nuôi trồng thủy hải sản và hỗ trợ nuôi trồng thủy hải sản, nhưng không vì chạy theo thu hút mà bỏ qua vấn đề môi trường. Hướng tới sự phát triển bền vững cho cộng đồng.

Thứ bảy, thực hiện chính sách ưu đãi về xây dựng cơ sở hạ tầng chế biến thủy hải sản (nâng cấp nhà xưởng, đổi mới dây chuyền, áp dụng

khoa học công nghệ hiện đại đảm bảo vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường).

Cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công nghiệp chế biến thực phẩm đối với sự phát triển nuôi trồng chế biến thủy hải sản không chỉ là ngành hỗ trợ, mà công nghiệp chế biến còn góp phần nâng cao giá trị chất lượng sản phẩm, tạo ra lợi thế cạnh tranh và đưa sản phẩm thủy hải sản tiếp cận thị trường các vùng của quốc gia, trên khu vực và thế giới.

Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong xây dựng nhà xưởng, du nhập kỹ thuật mới để áp dụng cho địa phương nhằm tăng hiệu quả nuôi trồng, chế biến thủy hải sản nhằm giảm bớt cường lực khai thác.

Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến vào công tác quản lý, giám sát hoạt động tàu cá, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin dự báo ngư trường, nguồn lợi hải sản, thông tin thương mại, phòng tránh thiên tai trên biển, phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn nghề cá, thực thi pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách thường xuyên, có hiệu quả.

Thứ tám, tăng cường liên kết vùng và hợp tác quốc tế trong khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản

- Về tăng cường liên kết vùng: Muốn phát triển kinh tế không thể tồn tại một cách biệt lập mà phải có sự liên kết giữa các đơn vị hành chính với nhau. Xóa bỏ tư duy hoạt động kinh tế theo tư tưởng cục bộ địa phương, mạnh ai nấy làm, quản lý kinh tế mà theo ranh giới hành chính.

Vùng Bắc Trung Bộ gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế với một điều đặc biệt là cả 6 tỉnh đều có biển. Đây là một lợi thế để 6 tỉnh liên kết với nhau trong các lĩnh vực của kinh tế biển. Đó cũng là một xu thế phát triển hợp lý. Lợi thế của kinh tế biển tỉnh Quảng Bình là

lĩnh vực đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, chính vì thế, việc liên kết với các tỉnh lân cận là một tác nhân quan trọng giúp lĩnh vực này phát huy được thế mạnh của mình. Liên kết trong đánh bắt, trong chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng và phương pháp chế biến thủy hải sản sẽ giúp lãnh đạo tỉnh cũng như các doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên liệu, giảm chi phí, tạo ổn định cho đầu ra sản phẩm, mà còn góp phần làm tăng giá trị sản phẩm, tạo quy trình khép kín từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Về hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế nhằm tiếp cận, hợp tác trao đổi kinh nghiệm và tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế để thiết lập, tổ chức quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi hải sản, sinh thái biển ven bờ.

Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, phát huy được lợi thế địa phương, tạo điều kiện ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng biển đảo ■

Tài liệu tham khảo:

1. UBND thành phố Đồng Hới, *Báo cáo tình hình thực hiện công tác biển, đảo năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018*.

2. *Quyết định số 932/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Bình đến năm 2020*.

3. *Quyết định số 3057/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040*.

4. UBND tỉnh Quảng Bình, *Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Bình đến năm 2020*.

5. *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình năm 2017*,
<https://cucthongke.quangbinh.gov.vn>.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình, *Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch công tác biển, đảo năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018*.